

Bản án số: 94/2018/HS-ST
Ngày 18/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Loan.

Ông Lê Xuân Thư.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Văn L, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1981 tại Thanh Hóa, trú tại xã Kh, huyện H, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1985 và có 03 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo Nguyễn Văn L bị tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Tào Văn V, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1976 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 2, xã Hoàng Lý, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Tào Văn T và con bà Nguyễn Thị Gi; Có vợ là Tống Thị H, sinh năm 1977 và có 02 con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Đào Xuân C, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1977 tại Thanh Hóa, trú tại xóm 2, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đào Xuân C và con bà Lê Thị B; Có vợ là Lê Thị Th, sinh năm 1977 và có 03 con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Hà Văn C, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1984 tại Thanh Hóa, trú tại xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hà Văn C và con bà Phạm Thị Th; Có vợ là Hà Thị Ch, sinh năm 1991 và có 03 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Nguyễn Thị D, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1979 tại Thanh Hóa, trú tại Phòng 205, nhà 18, Chung Cư Ph, Phường V, TP. H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Giáo viên; Con ông: Nguyễn Bá M và con bà Nguyễn Thị T; Có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 6/2018 bị Công an huyện Đông Sơn bắt, khởi tố về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/7/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Lê Bá Th, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1983 tại Thanh Hóa, trú tại thôn Th, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Bá H và con bà Lê Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1989 chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Lê Bá T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1972 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 2, xã M, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Bá Nh và con bà Trịnh Thị V; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 và có 02 con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

8. Bị cáo Lê Đình Nh, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1969 tại Thanh Hóa, trú tại thôn Tr, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đình Ở và con bà Lê Thị T; Có vợ là Trịnh Thị Nh, sinh năm 1971 và có 02 con lớn

sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 11/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

9. Bị cáo Trịnh Xuân Th, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1981 tại Thanh Hóa, trú tại thôn 7, xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (Ngày 05/9/2018 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy H đã ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đối với Trịnh Xuân Th); Con ông: Trịnh Ngọc Th và con bà Nguyễn Thị Ng; Có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986 và có 03 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

10. Bị cáo Phạm Văn Ch, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1979 tại Thanh Hóa, trú tại thôn L, xã T, TP. H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn B và con bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982 và có 02 con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

11. Bị cáo Lê Anh T, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1974 tại Thanh Hóa, trú tại thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Anh Ng và con bà Lê Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1975 và có 03 con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2018 đến ngày 08/7/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16^h ngày 05/7/2018, tại trang trại của ông Trịnh Ngọc Th ở thôn 7 xã Q, huyện H, Tổ công tác đội điều tra án trật tự xã hội Công an huyện Hoằng Hóa phối hợp với Ban công an xã Q phát hiện bắt quả tang: Trịnh Xuân Th, sinh năm 1981 ở xã Q, huyện H; Tào Văn V, sinh năm 1976 ở xã L, TP. H; Đào Xuân C, sinh năm 1977 ở xã L, huyện S; Nguyễn Thị D, sinh năm 1979 ở phường V, TP. H; Nguyễn Văn L, sinh năm 1981 ở xã Kh, huyện H; Lê Bá T, sinh năm 1972 ở xã M, huyện S; Hà Văn C, sinh năm 1984 ở xã Th, huyện S; Lê Anh T, sinh năm 1974 ở xã L, huyện H; Lê Đình Nh, sinh năm 1969 và Lê Bá Th, sinh năm 1983 đều ở xã Ph, huyện H đang đánh bạc dưới hình thức “ Ba cây cầm chương”. Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm:

01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây đã qua sử dụng và 42.400.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2018, Phạm Văn Ch; Tào Văn V; Đào Xuân C; Hà Văn C đến trang trại nuôi lợn của gia đình ông Trịnh Ngọc Th thôn 7, xã Q, để chờ mua lợn. Trong lúc chờ đợi rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “Ba cây cầm chương”. Lê Bá Th (người làm công cho ông Th) là người trải chiếu và mua bài tú lơ khơ chơi cùng với Tào Văn V, Đào Xuân C, Phạm Văn Ch đánh bạc dưới hình thức “ba cây cầm chương” “trồng cửa” 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/ ván. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì có Lê Đình Nh(người làm công cho ông Th) vào, Nguyễn Văn L, Lê Bá T, Nguyễn Thị D đến trang trại để mua lợn vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày Lê Bá Th hết tiền đứng lên thì Trịnh Xuân Th đến ngồi vào vị trí của Th, Hà Văn C và Lê Anh T vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 30 phút Phạm Văn Ch hết tiền nên ra về. Đến 16h cùng ngày khi các bị cáo đang sát phạt lẫn nhau thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Hóa bắt quả tang cùng với tang vật chứng được thu giữ. Khi đánh bạc các bị can sử dụng số tiền đánh bạc như sau: Nguyễn Văn L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Tào Văn V 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng); Đào Xuân C 3.000.000đ (Ba triệu đồng); Hà Văn C 2.650.000đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Thị D 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng); Lê Bá T 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng); Lê Đình Nh 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng); Lê Bá Th 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng); Trịnh Xuân Th 1.000.000đ (Một triệu đồng); Lê Anh T 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng); Đối với Phạm Văn Ch, sau khi nghe tin các đối tượng trên bị bắt và khởi tố. Đến 25/7/2018 Ch đến CQĐT Công an Hoàng Hóa để khai nhận hành vi phạm tội. Khi đi đánh bạc mang theo 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và thua hết nên về trước.

Về vật chứng của vụ án: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây đã qua sử dụng và số tiền 42.400.000đ, Cơ quan điều tra đã chuyển giao đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa để chờ xét xử.

Bản cáo trạng số 90/VKS-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Tào Văn V, Đào Xuân C, Hà Văn C; Nguyễn Thị D; Lê Bá T; Lê Đình Nh; Lê Bá Th; Trịnh Xuân Th; Phạm Văn Ch và Lê Anh T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh

giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58; Điều 35; Điều 65 của Bộ luật Hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Thị D từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù
- Bị cáo Nguyễn Văn L từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 đến 60 tháng. Phạt bổ sung: 20.000.000 đồng.
- Bị cáo Đào Xuân C từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 đến 48 tháng. Phạt bổ sung: 15.000.000 đồng.
- Bị cáo Hà Văn C từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng. Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng.
- Bị cáo Lê Bá Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.
- Bị cáo Tào Văn V từ 50.000.000 đến 60.000.000 đồng.
- Bị cáo Lê Bá T từ 35.000.000 đến 40.000.000 đồng.
- Bị cáo Lê Đình Nh từ 35.000.000 đến 40.000.000 đồng.
- Bị cáo Trịnh Xuân Th 30.000.000 đến 35.000.000 đồng.
- Bị cáo Phạm Văn Ch 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.
- Bị cáo Lê Anh T 25.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS Đề nghị HĐXX tịch thu sung quỹ số tiền 42.400.000 đồng, tiêu hủy 01 bộ bai tú lơ khơ 36 cây đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất. Riêng bị cáo Tào Văn V, Lê Đình Nh, Lê Bá T, Trịnh Xuân Th, Phạm Văn Ch và Lê Anh T đề nghị Hội đồng xét xử chuyển sang hình phạt nhẹ hơn là hình phạt tiền.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2018, Phạm Văn Ch; Tào Văn V; Đào Xuân C; Hà Văn C đến trang trại nuôi lợn của gia đình ông Trịnh Ngọc Th thôn 7, xã Q, huyện H để chờ mua lợn. Trong lúc chờ đợi rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “Ba cây cầm chương”. Lê Bá Th là người trải chiếu và mua bài tú lơ khơ chơi cùng với Tào Văn V, Đào Xuân C, Phạm Văn Ch đánh bạc dưới hình thức “ba cây cầm chương” “trồng cửa” 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) đến 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/ván. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì có Lê Đình Nh, Nguyễn Văn L, Lê Bá T, Nguyễn Thị D đến trang trại để mua lợn cùng vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15^h cùng ngày Lê Bá Th hết tiền đứng lên thì Trịnh Xuân Th đến ngồi vào vị trí của Th, Hà Văn C và Lê Anh T vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15^h30 phút Phạm Văn Ch hết tiền nên ra về và đến 16^h cùng ngày khi các bị cáo đang sát phạt lẫn nhau thì bị Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa bắt quả tang cùng với vật chứng là bộ bài tú lơ khơ 36 quân và số tiền 42.400.000đ. Hành vi sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc” tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy VKSND huyện Hoằng Hóa truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét tính chất của vụ án thì thấy:* Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đây là một tệ nạn của xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

Tổng số tiền của các bị cáo khai dùng để đánh bạc ít hơn số tiền thu tại chiếu bạc, mặc khác quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cũng không làm rõ được số tiền vượt quá so với lời khai của các bị cáo nên các bị cáo phải cùng chịu chung trách nhiệm đối với tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 42.400.000 đồng.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo L, C, V, C, T, Nh, Th, Th, Ch, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Tào Văn V trong giai đoạn chờ xử lý vụ án đã có công giúp Cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Hóa trong việc tố giác tội phạm. Bị cáo Nguyễn Thị D; Lê Bá Th; Lê Anh T, Lê Đình Nh, Lê Bá T đều có bố, mẹ là người có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi đánh bạc không có sự bàn bạc, câu kết với nhau từ trước, cho nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và khi áp dụng hình phạt cần phải được phân hóa vai trò cụ thể, đồng thời, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của mỗi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với Nguyễn Văn L là người có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 15.000.000đ cao nhất nên bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án, hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cao nhất; Đối với Tào Văn V là người trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền dùng vào việc đánh là 4.300.000đ nên bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn các bị cáo khác nên áp dụng loại hình phạt khác nhẹ hơn đối với V; Bị cáo Đào Xuân C là người có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 3.000.000đ và cũng là người trực tiếp tham gia đánh bạc từ đầu nên bị cáo có vai trò thứ ba trong vụ án và hình phạt đối với bị cáo sẽ cao hơn các bị cáo còn lại; Bị cáo Hà Văn C là người có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 2.650.000đ và cũng là người tham gia đánh bạc từ đầu nên bị cáo có vai trò thứ tư trong vụ án, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo thì sẽ thấp hơn so với L, Đào Xuân C nhưng phải cao hơn các bị cáo khác; Bị cáo Nguyễn Thị D có số tiền đánh bạc là 2.100.000đ nên bị cáo có vai trò thứ năm trong vụ án và khi quyết định hình phạt đối với D cũng phải cao hơn các bị cáo còn lại nhưng thấp hơn L, Đào Xuân C và Hà Văn C; Đối với bị cáo Th mặc dù có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.600.000đ thấp hơn bị cáo T là 1.900.000đ và bị cáo Nh là 1.700.000đ nhưng bị cáo là người chuẩn bị bài và chiếu lại tham gia đánh bạc từ đầu nên bị cáo có vai trò lớn hơn T và Nh và bị cáo có vai trò thứ 6 trong vụ án; Bị cáo T, Nh có số tiền gần tương đương nhau nên có vai trò như nhau và là vai trò thứ 7, hình phạt áp dụng đối với các bị cáo sẽ tương xứng với vai trò của

tùng bị cáo trong vụ án; Bị cáo Th có số tiền có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.000.000đ nên bị cáo có vai trò thứ 8; Bị cáo T có số tiền là 600.000đ; Bị cáo Ch có số tiền là 700.000đ thấp hơn các bị cáo khác cũng gần tương đương nhau nên các bị cáo Ch và T có vai trò ngang nhau trong vụ án và khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo là bằng nhau và cũng là thấp nhất trong vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Tào Văn V, Đào Xuân C, Hà Văn C, Lê Bá T, Lê Đình Nh, Lê Bá Th, Trịnh Xuân Th, Phạm Văn Ch và Lê Anh T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các được cải tạo tại địa phương và dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Tào Văn V mặc dù có vai trò thứ hai trong vụ án nhưng bị cáo sau khi phạm tội đã có công giúp cơ quan điều tra trong việc tố giác tội phạm thể hiện là người có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội nên cần chuyển sang loại hình phạt khác nhẹ hơn là hình phạt tiền đối với bị cáo; các bị cáo Lê Bá T, Lê Đình Nh, Trịnh Xuân Th, Phạm Văn Ch và Lê Anh T đều có vai trò thứ yếu trong vụ án nên cần chuyển sang một loại hình phạt khác nhẹ hơn đó là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị D trước đó tức là ngày 18/6/2018 đã có hành vi đánh bạc và bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Sơn khởi tố về tội Đánh bạc, trong thời gian thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này. Tại Bản án số 10/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn đã xử bị cáo Nguyễn Thị D 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo D để khi bản án này có hiệu lực pháp luật sẽ tổng hợp hình phạt của hai bản án và buộc D phải chấp hành.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Đối với các bị cáo áp dụng hình phạt chính là hình phạt bằng tiền thì không áp dụng hình phạt bổ sung; Đối với bị cáo Lê Bá Th thì chính quyền địa phương xã Ph có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội của bị cáo là Liệt sỹ, gia đình của bị cáo là gia đình chính sách, có công với cách mạng; Bị cáo Nguyễn Thị D đã ly hôn, một mình trực tiếp nuôi hai con nhỏ và hiện nay Cơ quan điều tra đã giao các con của bị cáo cho bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của bị cáo nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị D và Lê Bá Th.

[7] *Về vật chứng*: - Số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 bộ bài tú lơ khơ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Tào Văn V, Đào Xuân C, Hà Văn C; Nguyễn Thị D; Lê Bá T; Lê Đình Nh; Lê Bá Th; Trịnh Xuân Th; Phạm Văn Ch và Lê Anh T phạm tội “Đánh bạc”.

**Áp dụng*: khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Khoản 1,2 Điều 65; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn L: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn L 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

- Bị cáo Đào Xuân C: 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Đào Xuân C 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Bị cáo Hà Văn C: 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Hà Văn C 10.000.000đ (mười triệu đồng).

**Áp dụng*: khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị D: 12 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 05/7/2018.

**Áp dụng*: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Khoản 1,2 Điều 65; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Bá Th: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Áp dụng*: khoản 1 Điều 321, điểm i, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Tào Văn V 60.000.000đ

**Áp dụng*: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Bá T: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng)

- Bị cáo Lê Đình Nh: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

* *Áp dụng*: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trịnh Xuân Th: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

- Bị cáo Phạm Văn Ch 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

* *Áp dụng*: khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lê Anh T: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

* Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã Kh, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Giao bị cáo Đào Xuân C cho UBND xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Giao bị cáo Hà Văn C cho UBND xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Giao bị cáo Lê Bá Th cho UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu số tiền 42.400.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước (Theo biên lai thu tiền số AA/0000831 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ kho 36 cây (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 81/BBGN ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Văn L, Tào Văn V, Đào Xuân C, Hà Văn C; Nguyễn Thị D; Lê Bá T; Lê Đình Nh; Lê Bá Th; Trịnh Xuân Th; Phạm Văn Ch và Lê Anh T mỗi bị cáo chịu

200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa.
- Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa.
- Các bị cáo.
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.
- UBND xã
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa

